

Số: **16/2021/QĐST-HNGĐ**

Quận T, ngày 15 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 477/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: 243/53/19/52A Đường T, Phường L, Quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Trương Thị Minh C, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: 243/53/19/52A Tôn Đản, Phường L, Quận T, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Duy L và bà Trương Thị Minh C (Giấy chứng nhận kết hôn số 61-2011, quyền số 01-2011 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận T cấp ngày 10/8/2011).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Nguyễn Duy L và bà Trương Thị Minh C xác nhận có hai con chung tên: Nguyễn Hoàng Hạo T, sinh ngày 02/5/2013 và

Nguyễn Hoàng Hạo D, sinh ngày 06/7/2016. Hai bên thỏa thuận, giao cả hai con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng mỗi trẻ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 20 (đương lịch) hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 20/02/2021 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Nguyễn Duy L và bà Trương Thị Minh C xác nhận không có.

2.3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng định kỳ là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), ông L tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0035985 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Ông L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPH;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Kiều

